TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Lê Thị Trúc Linh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng N1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Hồng N1 xây dựng hôn nhân vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/3/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh N1 thường xuyên có mâu thuẩn với mẹ ruột của tôi, anh N1 đã 02 lần bỏ nhà đi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N1.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, tôi và anh N1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M sinh ngày 27/02/2023, hiện tại con đang sống cùng tôi và bà ngoại. Tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 25/9/2023, bị đơn anh Nguyễn Hồng N1 trình bày:* Tôi và chị N1 thành hôn năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/3/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, vợ chồng có cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Theo yêu cầu khởi kiện của chị N1 thì tôi có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với chị N1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M sinh ngày 27/02/2023. Tôi đồng ý giao con chung cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tôi không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hồng N1; anh N1 có nơi cư trú tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hồng N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N1 và anh N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/3/2022 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15/2022 nên hôn nhân giữa chị N1 và anh N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị N1 cho rằng trong đời sống hôn nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, đã sống ly thân nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N1. Bị đơn anh N1 mặc dù vắng mặt nhưng có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị N1. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N1, xử cho chị N1 được ly hôn với anh N1.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M sinh ngày 27/02/2023, hiện do chị N1 đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N1 yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh N1 có ý kiến là đồng ý giao con chung cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh N1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về con chung. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hồng N1.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hồng N1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M sinh ngày 27/02/2023. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên M sinh ngày 27/02/2023 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hồng N1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004352 ngày 25/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn
(Giấy CNKH số 15/2022, ngày 14/3/2022)
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÀNH LUÂN